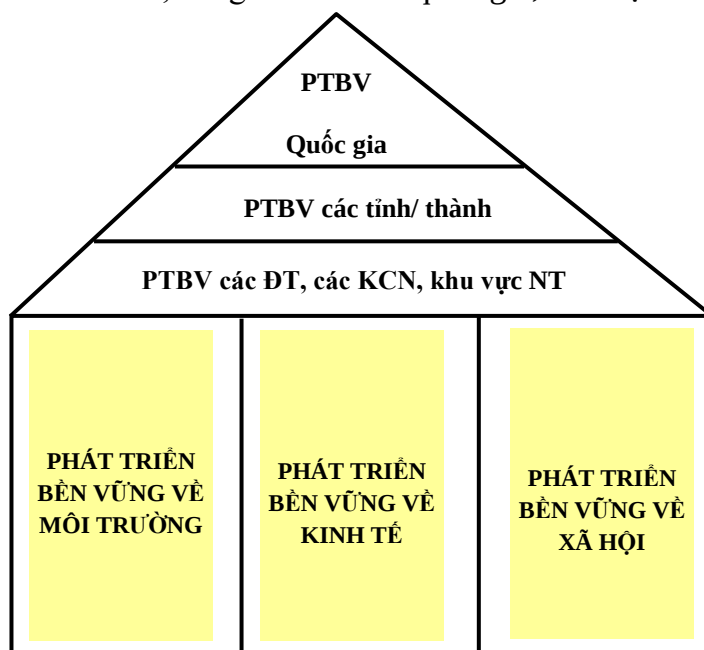


CÁC THÁCH THỨC VỀ BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HOÁ Ở VIỆT NAM

Phạm Ngọc Đăng*

Phát triển bền vững là định hướng phát triển và kỳ vọng của nước ta, cũng như của mỗi quốc gia trên toàn thế giới hiện nay.

Phát triển bền vững được cấu thành bởi 3 thành phần: Phát triển bền vững về kinh tế, phát triển bền vững về xã hội và phát triển bền vững về môi trường; Phát triển bền vững quốc gia phải dựa trên phát triển bền vững của các địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc) và phát triển bền vững của các tỉnh/thành phải dựa trên phát triển bền vững của các đô thị, các khu công nghiệp, các khu vực nông thôn trong tỉnh/thành, trong đó phát triển các đô thị bền vững có tầm quan trọng đặc biệt đối với phát triển bền vững của mỗi tỉnh/ thành, cũng như của cả quốc gia, thể hiện bằng sơ đồ dưới đây.



Hình 1. Sơ đồ phát triển bền vững

Môi trường đô thị bao gồm các hợp phần chủ yếu như sau: môi trường nước mặt, nước ngầm, cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, môi trường không khí, vi khí hậu, tiếng ồn và rung, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế, chất thải rắn công nghiệp và vệ sinh môi trường.

Ô nhiễm môi trường đô thị gây ra các tác động tiêu cực đối với sức khỏe con người, biến đổi khí hậu, gây tác hại đối với các hệ sinh thái, đặc biệt là đối với sản xuất nông lâm nghiệp, phá hoại vật liệu và công trình xây dựng, gây ảnh hưởng xấu đến phát triển du lịch,... và hậu quả cuối cùng là gây ra thiệt hại kinh tế.

* GS.TSKH, Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam

Những người nghèo ở đô thị, những người bán hàng rong hay những người sống ở trong các cửa hàng nhỏ bé dọc theo đường phố, những người làm nghề xe ôm, lái xe, làm nghề thủ công nghiệp và lao động ngoài trời, những người nghèo..., những người già, phụ nữ và trẻ em là những người chịu tác động lớn nhất của ô nhiễm môi trường đô thị.

Vì vậy, bảo vệ môi trường, phát triển đô thị bền vững về mặt môi trường có ý nghĩa rất quan trọng về mặt kinh tế, xã hội và dân sinh của đô thị.

Trong bài viết này chúng tôi bàn đến các thách thức hay các yếu kém về mặt môi trường cần được khắc phục trong phát triển đô thị bền vững ở nước ta. Trên cơ sở xác định đúng các thách thức môi trường thì mới có thể xây dựng được chiến lược bảo vệ môi trường, từ chiến lược BVMT có thể đề ra các chủ trương, chính sách, kế hoạch, giải pháp đúng đắn để giải quyết các vấn đề môi trường, bảo đảm cho sự phát triển bền vững về mặt môi trường của các đô thị nước ta.

1. Các thách thức môi trường trong quá trình đô thị hoá

Căn cứ vào kết quả điều tra thực tế và các báo cáo hiện trạng môi trường của các tỉnh/thành và quốc gia, có thể nêu ra các thách thức môi trường chủ yếu trong quá trình đô thị hoá ở nước ta như sau:

1.1. Đô thị hoá với tốc độ nhanh

Ở nước ta, cùng với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là quá trình đô thị hoá rất nhanh (bảng 1).

Bảng 1: Diễn biến quá trình đô thị hoá ở nước ta trong 20 năm qua và dự báo đến 2020

Năm	1986	1990	1995	2000	2003	2006	2010 (Dự báo)	2020 (Dự báo)
Số lượng đô thị (tất cả các loại)	480	500	550	649	656	729	-	-
Dân số đô thị (triệu người)	11,87	13,77	14,938	19,47	20,87	22,83	28,5	40,0
Tỷ lệ dân đô thị trên tổng dân số (%)	19,3	20,0	20,75	24,7	25,8	27,2	32,0	45,0

Nguồn: Niên giám thống kê Quốc gia và thông tin từ Bộ Xây dựng

Đô thị hoá nhanh sẽ gây ra áp lực lên tài nguyên và môi trường ngày càng lớn, làm suy thoái môi trường, nếu không có chiến lược BVMT tương ứng sẽ không đảm bảo phát triển bền vững.

1.2. Phát triển hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị chậm hơn so với gia tăng dân số và mở rộng không gian đô thị

- Tốc độ phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đô thị chậm hơn rất nhiều so với tốc độ đô thị hoá. Diện tích đất giao thông đô thị không đủ, mạng lưới đường giao thông phân bố không đồng đều, không bảo đảm chất lượng. Theo số liệu thống kê, tại các đô thị lớn các chỉ tiêu về hạ tầng giao thông cũng rất thấp, chỉ đáp ứng được khoảng 35 - 40% so với nhu cầu cần thiết, như tại Hà Nội diện tích đất giao thông chiếm khoảng 7,8%, mật độ đường đạt 3,89 km/km², trong khi đó ở nhiều thành phố tiên tiến trên thế giới tỷ lệ diện tích giao thông chiếm tới 15 - 18%. Phương tiện giao thông cá nhân ở các đô thị lại tăng trưởng rất nhanh, như là số xe máy ở Hà Nội năm 1996 mới có khoảng 600.000 xe, năm 2001 gần 1 triệu xe, năm 2002 tăng tới 1,3 triệu xe và đến năm 2006 đã tăng tới gần 2 triệu xe, bình quân khoảng 625 xe máy/1000 người dân.

- Hệ thống cấp nước, thoát nước ở Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, cũng như ở nhiều đô thị khác trong nước, đều là hệ thống chấp vá giữa khu cũ và khu mới, giữa lạc hậu và hiện đại, chất lượng nước cấp chưa đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn vệ sinh, tỷ lệ số dân đô thị được cấp nước sạch còn thấp, biến thiên trong khoảng 50 - 80% tùy theo từng loại đô thị. Chưa có hệ thống thoát nước thải riêng với nước mưa. 100% nước thải đô thị chỉ xử lý sơ bộ rồi đổ thải thẳng vào sông, hồ, gây ô nhiễm trầm trọng môi trường nước mặt. Do địa hình thấp và hệ thống thoát nước đô thị yếu kém, diện tích cây xanh và ao hồ suy giảm, nên ở nhiều đô thị thường xảy ra tình trạng úng ngập trong mùa mưa.

- Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn ở hầu hết các đô thị còn yếu kém, tỷ lệ thu gom CTR đô thị tính trung bình mới đạt khoảng 70%, trừ Hà Nội còn ở các đô thị đều chưa có trạm, bãi xử lý chất thải rắn đúng kỹ thuật và hợp vệ sinh.

- Dân nghèo đô thị rất thiếu nhà ở dù với chất lượng nhà ở rất thấp, rất khó tiếp cận với dịch vụ môi trường đô thị, khoảng cách mức sống giàu và nghèo trong đô thị cũng như chênh lệch mức sống giữa đô thị và nông thôn ngày càng lớn.

1.3. Đô thị hoá làng xã thành phường còn nặng tính chủ quan

- Đô thị hoá chủ yếu là biến đổi làng/xã nông thôn thành phường trong đô thị. Đô thị hoá đúng quy luật là do động lực phát triển kinh tế đô thị làm chuyển đổi kinh tế nông nghiệp của làng/ xã chuyển dần sang kinh tế phi nông nghiệp.

- Nhưng thực tế, khi quyết định đô thị hoá từ làng/xã thành phường, thường không dựa trên sự xem xét động lực phát triển kinh tế phi nông nghiệp của làng/xã đã có hay chưa, và cũng chưa xem xét đầy đủ đến tác động môi trường trong quy hoạch sử dụng đất, trong tổ chức không gian đô thị và trong xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị v.v... đang là nguyên nhân sâu xa của suy thoái môi trường đô thị.

- Đúng ra là trước tiên phải phát triển kinh tế làng/ xã bằng nội lực và ngoại lực, chuyển dần từ kinh tế nông nghiệp thành kinh tế đô thị, người dân chuyển dần từ lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp thì đô thị hoá làng/xã mới phát triển bền vững.

- Trong nhiều trường hợp quyết định làng xã thành phường chỉ vì mục đích tăng số dân đô thị để đô thị được nâng cấp, hoặc với mục đích lấy đất của làng/xã để phát triển các công trình phục vụ phát triển đô thị.

- Trong quá trình đô thị hoá làng/xã thành phường thường chỉ chú trọng xây dựng đô thị mới trên các khoảnh đất canh tác của làng/xã, rất ít quan tâm đến việc quy hoạch cải tạo khu dân cư làng/xã cũ, đặc biệt là không có sự liên thông, hoà nhập về quy hoạch giao thông, quy hoạch hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống năng lượng, hệ thống thông tin, hệ thống dịch vụ đô thị giữa khu đô thị mới và khu dân cư làng/xã cũ, tạo thành các ốc đảo cụm dân cư làng/xã trong đô thị (như là đô thị hoá làng Kim Liên trước đây, hay xã Vĩnh Tuy, xã Dịch Vọng v.v... trong các năm gần đây ở Hà Nội [5]).

1.4. Một số quy hoạch phát triển công nghiệp không phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường đô thị và bảo đảm an ninh lương thực

Phát triển công nghiệp và phát triển đô thị gắn bó với nhau như hình với bóng. Đô thị hoá và mở rộng đô thị đã làm cho nhiều nhà máy và các khu công nghiệp trước đây nằm ở ngoại ô thành phố, nay đã lọt vào giữa các khu dân cư đông đúc, dân cư bám sát hàng rào nhà máy và các nguồn thải ô nhiễm của công nghiệp đã tác động trực tiếp đến sức khoẻ cộng đồng. Quy hoạch bố trí các khu công nghiệp mới, các nhà máy xí nghiệp mới ở nhiều đô thị cũng chưa xem xét đầy đủ đến yêu cầu BVMT đối với đô thị và bảo đảm an ninh lương thực.

1.5. Phát triển đô thị và xoá đói giảm nghèo còn bất cập

Hầu hết ở các đô thị lớn của nước ta còn tồn tại các "khu nhà ổ chuột", "xóm liều", "xóm bụi". Tình trạng nhà ở, môi trường nước, môi trường không khí, chất thải rắn và vệ sinh môi trường ở các khu nhà này rất tồi tệ, không những gây ra tác động xấu đối với sức khoẻ của dân cư này, mà tác hại của ô nhiễm môi trường ở các khu nhà ổ chuột còn lan toả ra toàn đô thị. Các dân cư nghèo này rất ít được tiếp cận với dịch vụ môi trường đô thị. Xoá đói giảm nghèo, xoá bỏ các khu nhà ổ chuột này là vô cùng khó khăn khi mà khoảng cách mức sống, điều kiện tìm kiếm việc làm giữa thành thị và nông thôn ngày càng xa, khi mà phát triển đô thị và phát triển các khu công nghiệp chủ yếu lấy vào đất nông nghiệp, không ít người nông dân đã bị bản cùng hoá.

1.6. Các thách thức về môi trường nước ở các đô thị nước ta

- Môi trường nước ở đô thị đã bị ô nhiễm trầm trọng

Nguồn nước thải từ sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất vẫn chưa được xử lý và ngày càng gia tăng, đã vượt quá khả năng tự làm sạch của tất cả các sông, hồ trong nội thành. Nước thải từ sinh hoạt đô thị là nguyên nhân chính (chiếm tỷ lệ 70 - 80%) gây ra ô nhiễm các chất hữu cơ đối với môi trường nước mặt ở đô thị. Hầu như tất cả các đô thị đều không có hệ thống tách nước thải và nước mưa, chưa có các trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

- Tình trạng ngập úng đô thị trong mùa mưa chưa thể khắc phục được nhanh

Có thể nêu ra 3 nguyên nhân chủ quan gây ra úng ngập: một là trong thời gian dài trước đây ở nhiều đô thị, đã chuyển đổi nhiều đất cây xanh, đất nông nghiệp thành đất ở, đã lấp nhiều ao, hồ để xây dựng nhà cửa, làm mất cân bằng tích chứa nước, bê tông hoá gần hầu hết diện tích mặt đất đô thị, làm giảm khả năng thấm tiêu nước mưa;

nguyên nhân thứ 2 là hệ thống thoát nước của đô thị quá thấp kém cả về chiều dài, cả về tiết diện dòng chảy; nguyên nhân thứ 3 là quy hoạch mặt đứng đô thị (cao trình hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị) của các khu đô thị mới hay khu đô thị mở rộng so với các khu đô thị cũ thường là cao hơn, gây trở ngại đối với các dòng nước chảy bề mặt cũng như dòng nước chảy trong các cống rãnh chung của đô thị.

- Nguồn nước cấp cho đô thị ngày càng khan hiếm, tỷ lệ dân số được cấp nước sạch ở đô thị còn thấp, chất lượng nước cấp chưa đảm bảo

Theo số liệu thống kê trong báo cáo hiện trạng môi trường của các tỉnh/thành, tỷ lệ dân số được cấp nước bằng hệ thống cấp nước máy ở Hà Nội đạt 85-90%, ở đô thị loại III mới đạt 40 - 50%. Lượng nước cấp tính theo đầu người dân cũng chỉ đạt khoảng 50-60% so với yêu cầu của TCVN, chất lượng nước cấp chưa bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh.

Nhu cầu cấp nước đô thị ngày càng tăng, nhưng nguồn nước sạch ngày lại càng khan hiếm.

1.7. Quản lý chất thải rắn đô thị bất cập đang là một thách thức lớn trong quá trình đô thị hoá của nước ta

Tốc độ tăng khối lượng chất thải rắn không chỉ vì dân số đô thị tăng lên, sản xuất, dịch vụ tăng lên, mà còn vì mức sống đô thị tăng. Thí dụ như ở Hà Nội trước năm 1995 mỗi người dân chỉ thải bình quân khoảng 0,5 đến 0,8 kg chất thải rắn mỗi ngày, đến cuối năm 2002, trị số này đã tăng lên 0,8 đến 1,2 kg/ngày [1]. Tỷ lệ theo trọng lượng thành phần cao su, chất dẻo, nilon (chất khó phân hủy) trong chất thải rắn Hà Nội năm 2000 là khoảng 1,5%, năm 2001 là 9,6% và năm 2002 là 16% [1].

Tỷ lệ thu gom CTR đô thị ở Hà Nội - 92%, trung bình các đô thị loại III - 72,8% và đô thị loại IV - 66,5%.

Lượng CTR chưa được thu gom sẽ vất bừa bãi và gây ra ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí và môi trường đất đô thị.

Chất thải rắn sinh hoạt đô thị hầu như chưa được phân loại từ nguồn, tái chế, tái sử dụng chất thải còn manh mún do một số người nghèo thực hiện, thải bỏ chủ yếu bằng chôn lấp ở các bãi chôn lộ thiên không đúng kỹ thuật vệ sinh, chiếm diện tích đất lớn và chứa đựng tiềm ẩn ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

1.8. Các thách thức về môi trường không khí

Môi trường không khí đô thị hiện nay đang bị ô nhiễm nặng nề về bụi TSP và bụi PM10, nồng độ bụi trung bình của đô thị thường gấp 1,5 - 3 lần TCCP. Ở các khu phố đang diễn ra hoạt động xây dựng, sửa chữa nhà cửa, đường xá thì nồng độ bụi gấp 5 - 10 lần TCCP. Ô nhiễm các khí độc hại SO₂, NO₂, CO, Pb, C_nH_n còn có tính cục bộ, chủ yếu xảy ra ở các nút giao thông lớn hoặc bên cạnh các cơ sở sản xuất có đốt than dầu.

Nhiều nghiên cứu dịch tễ học ở Hà Nội đã chứng minh tỷ lệ số người bị mắc các bệnh về đường hô hấp, bệnh thần kinh và bệnh tim mạch ở các khu đô thị gần khu

công nghiệp, bị ô nhiễm không khí, lớn hơn gấp 2-5 lần so với khu đô thị không bị ô nhiễm không khí.

Theo tính toán gần đúng của chúng tôi thì tổng lượng thải bụi lơ lửng TSP (tấn/năm) ở Hà Nội hiện nay do công nghiệp và thủ công nghiệp gây ra chiếm tới 67%, do đường xá bẩn chiếm tới 29,5%, còn do bản thân các ống xả của xe cộ gây ra chỉ chiếm khoảng 3,5%. Tuy rằng bụi đường xá chỉ chiếm 29,5% nhưng nồng độ bụi trong không khí đường phố chủ yếu là do bụi đường (ước trên 80%), bởi vì bụi đường khuếch tán trong không gian hẹp hai bên đường phố, còn bụi công nghiệp thì chủ yếu khuếch tán rộng ở không gian trên thành phố.

Môi trường không khí đô thị hiện nay đang chịu 2 áp lực nguồn thải ô nhiễm rất lớn, đó là phương tiện giao thông vận tải cơ khí phát triển rất nhanh và hoạt động xây dựng sửa chữa công trình trong đô thị thiếu quản lý chặt chẽ về mặt môi trường, ở nhiều đoạn đường phố diễn ra tình trạng "đào đào, lấp lấp" thường xuyên thì không thể tránh được sự xuống cấp của môi trường không khí đô thị.

1.9. Nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường bị hạn chế

Để giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường chung của từng đô thị, từng làng xã, cần phải đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường đô thị rất lớn, như là hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống các trạm xử lý nước thải, hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại, hệ thống giao thông công cộng v.v... đòi hỏi nguồn kinh phí rất lớn, trong khi đó khả năng tài chính của Nhà nước nói chung, của địa phương, của từng đô thị, nói riêng rất hạn hẹp.

1.10. Tổ chức và năng lực quản lý môi trường chưa đáp ứng yêu cầu

Hệ thống tổ chức quản lý môi trường ở Trung ương cũng như ở mỗi tỉnh/thành, mỗi đô thị chưa được hoàn thiện, năng lực quản lý môi trường còn nhiều bất cập cả về nhân lực, vật lực, trang thiết bị kỹ thuật và cả về cơ chế quản lý.

1.11. Nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững còn thấp

Nhận thức và ý thức của mọi người, từ người dân bình thường, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chủ các phương tiện giao thông cơ giới đến các cán bộ quản lý các cấp, còn thấp, thiếu tự giác, chưa chủ động tham gia vào sự nghiệp BVMT và PTBV, cũng là một thách thức lớn đối với phát triển đô thị bền vững về mặt môi trường ở nước ta.

2. Cần xây dựng chiến lược bảo vệ Môi trường trong quá trình Đô thị hoá

Để đảm bảo cho sự phát triển các đô thị bền vững về mặt môi trường, giải quyết có hiệu quả 11 vấn đề thách thức nêu trên, trước hết cần phải xây dựng chiến lược BVMT đô thị, từ chiến lược tiến hành xây dựng kế hoạch BVMT cụ thể và lồng ghép kế hoạch BVMT một cách hài hoà với quy hoạch phát triển KT - XH của đô thị. Dưới đây chúng tôi đề xuất mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu của chiến lược BVMT đô thị trên cơ sở chiến lược BVMT quốc gia [1].

2.1. Các mục tiêu của chiến lược BVMT đến năm 2020

• ***Ngăn chặn về cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái môi trường và nâng cao chất lượng môi trường*** để đạt được các tiêu chuẩn chất lượng môi trường đã ban hành, bảo đảm cho mọi người dân đô thị được sống trong môi trường trong lành, không bị ô nhiễm về không khí, đất, nước, chất thải rắn và cảnh quan môi trường.

• ***Phần đầu đạt một số chỉ tiêu chính sau:***

- 100% đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường, 80% các cơ sở sản xuất ở các làng nghề có trạm xử lý nước thải đạt TCMT;
- 100% dân số đô thị và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch;
- Thu gom và xử lý đúng kỹ thuật vệ sinh môi trường đối với chất thải đô thị là 90 - 100%, đối với chất thải công nghiệp nguy hại và chất thải y tế là 100%. Tái chế, tái sử dụng chất thải thông thường đạt 80 - 90%, phần chôn lấp chỉ còn 10 - 20%.
- 100% cơ sở sản xuất công nghiệp được đầu tư sau năm 1995 và 90% cơ sở sản xuất CN được đầu tư trước năm 1995 đều có hệ thống thiết bị xử lý khí thải đạt TCMT;
- Trên 90% các loại xe ô tô, xe máy đang lưu hành đạt tiêu chuẩn EURO2;
- Bảo vệ 100% diện tích rừng tự nhiên, rừng tái sinh, rừng trồng, phủ xanh 100% đất đồi trọc, phần đầu tỷ lệ diện tích cây xanh trên đầu người dân đô thị tối thiểu là 8m²;
- Bảo tồn đa dạng sinh học và cảnh quan môi trường ;
- Tiết kiệm sử dụng năng lượng trong mọi hoạt động sản xuất, dịch vụ và sinh hoạt đô thị đạt khoảng 5%.

2.2. Các nhiệm vụ cơ bản của chiến lược BVMT

• ***Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm***

- Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đối với tất cả các quy hoạch phát triển KT-XH của tất cả các đô thị;
- Thực hiện ĐMC hay ĐTM đối với tất cả các quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, quy hoạch xây dựng hệ thống giao thông ;
- Thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đối với 100% Dự án đầu tư phát triển;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các nguồn gây ô nhiễm và suy thoái môi trường.
- Hoàn thành việc xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;
- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động quản lý chất thải.

• ***Khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng***

- Xây dựng và thực hiện các dự án khắc phục ô nhiễm môi trường nước ở các đô thị và các làng nghề;

CÁC THÁCH THỨC VỀ BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HOÁ...

- Xây dựng và thực hiện các dự án cấp nước sạch cho đô thị và nông thôn;
- Xây dựng và thực hiện các quy hoạch và dự án về thu gom, vận chuyển và xử lý đúng kỹ thuật vệ sinh đối với các loại chất thải rắn;
- Xây dựng và thực hiện các dự án về giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về không khí sạch;
- Thực hiện thành công các Đề án bảo vệ môi trường lưu vực các sông;
- Phục hồi môi trường nước các sông, hồ nội thành đạt loại B, môi trường nước các sông chảy qua đô thị đạt loại A.

• **Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

- Bảo vệ 100% diện tích rừng hiện có, bảo vệ các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, phủ xanh 100% diện tích đất đồi trọc;
- Bảo vệ và phát triển các danh lam, thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên;
- Phát triển diện tích cây xanh đô thị đạt chỉ tiêu tối thiểu 8m²/ người;
- Bảo vệ đa dạng sinh học.

• **Hoàn thiện hệ thống tổ chức và quản lý môi trường**

- Hoàn thiện tổ chức quản lý môi trường từ phường/xã, quận/huyện đến thành phố, bộ máy quản lý môi trường đủ mạnh và trình độ, năng lực của cán bộ đáp ứng yêu cầu;
- Hoàn thiện cơ chế chính sách, luật pháp và các tiêu chuẩn, quy định về BVMT;
- Tổ chức quản lý môi trường ở đô thị có đầy đủ phương tiện thiết bị để thực hiện tốt công tác quan trắc môi trường, thanh tra, kiểm soát môi trường,...

• **Nâng cao nhận thức và giáo dục môi trường**

- Đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông để nâng cao nhận thức BVMT cho nhân dân, cho các chủ phương tiện giao thông, các chủ sản xuất, cũng như cho tất cả cán bộ chính quyền, đoàn thể các cấp;
- Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hoá trong mọi hoạt động BVMT.

• **Tăng cường hợp tác quốc tế về BVMT**

Trong điều kiện môi trường đô thị ở nước ta đang gặp rất nhiều thách thức như trên nên rất cần đẩy mạnh việc hợp tác và thu hút sự giúp đỡ cả về kinh nghiệm và nguồn lực của các nước và các tổ chức quốc tế.

Kết luận

Đô thị hoá ở nước ta hiện nay đang đứng trước 11 thách thức lớn về mặt môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

Để giải quyết được 11 thách thức nêu trên trước hết phải xây dựng được chiến lược bảo vệ môi trường cho các đô thị, từ đó lập kế hoạch phát triển KT-XH có tính bền vững về mặt môi trường một cách toàn diện chính xác, có tính khả thi, kết hợp hài hoà giữa phát triển KT-XH và BVMT, thực hiện đánh giá môi trường chiến lược đối

với quy hoạch phát triển KT-XH của đô thị, quy hoạch xây dựng đô thị và có quyết tâm cao thực hiện chiến lược, kế hoạch đó thì mới đảm bảo các đô thị phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020*, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 56/2003/QĐ-TTg, ngày 2/12/2003.
- [2]. Cục Bảo vệ Môi trường. *Báo cáo kết quả quan trắc và phân tích môi trường quốc gia từ 1995 đến 2007*.
- [3]. Phạm Ngọc Đăng và Phạm Hải Hà. *Bàn về xây dựng đô thị sinh thái ở nước ta*. Tạp chí “Kiến trúc Việt Nam”, số 4/2002.
- [4]. Phạm Ngọc Đăng, Lê Trình, Nguyễn Quỳnh Hương. *Đánh giá diễn biến và dự báo môi trường hai vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam và Đề xuất các giải pháp BVMT*. NXB Xây dựng, Hà Nội 2004.
- [5]. Trịnh Huy Thục. *Phát triển nhà ở đô thị theo dự án là giải pháp cơ bản và quyết định để phát triển đô thị bền vững, văn minh*. Trong Tài liệu hội nghị quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị diễn ra tại Hà Nội tháng 4/2003.
- [5]. Sở KHCN&MT Hà Nội - Đề tài Khoa học năm 2000. Phạm Ngọc Đăng, Lê Văn Nãi và nnk: *Những tồn tại và giải pháp khắc phục trong quá trình đô thị hoá từ làng xã thành phường của Hà Nội*.